

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 29/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Đề án “Xây dựng trụ sở làm việc phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025”

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy;

Xét Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc đề nghị thông qua Đề án “Xây dựng trụ sở làm việc phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025”; Báo cáo thẩm tra số 07/BC-PC ngày 25 tháng 2 năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Đề án “Xây dựng trụ sở làm việc phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025” (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 6 thông qua và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2022. *Chanh*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ Công an;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành có liên quan;
- VP tỉnh ủy, VPĐBQH, VPHĐND tỉnh, VPUBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- TT Tin học- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp *zh*



CHỦ TỊCH

anh
Hồ Quốc Dũng



Bình Định, ngày 20 tháng 7 năm 2022

ĐỀ ÁN

**Xây dựng Trụ sở làm việc phục vụ công tác cho Công an xã trên
địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số 29 /NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)*

Phần thứ I

**TÌNH HÌNH, THỰC TRẠNG VÀ KẾT QUẢ SAU KHI TRIỂN KHAI
CÔNG AN XÃ CHÍNH QUY**

1. Thực trạng về đất và trụ sở làm việc

1.1. Về diện tích đất để xây dựng trụ sở Công an xã: Sau khi thực hiện CA xã chính quy thì trên địa bàn tỉnh còn 111/119 xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã chưa có đất, cụ thể như sau:

Hiện có 08 Công an xã đã có đất để xây dựng, gồm:

- 05 Công an xã thuộc Công an thành phố Quy Nhơn: Nhơn Lý, Nhơn Hải, Nhơn Hội, Nhơn Châu và Phước Mỹ.

- Công an xã Bình Hòa được Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn bố trí làm việc tại Trạm Kiểm lâm Bắc Sông Kôn tại thôn Trường Định, xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn.

- Công an xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ và Công an thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát làm việc tại Đồn Công an xã Mỹ An và Đồn Công an xã Cát Tiến.

Còn 111 Công an xã, thị trấn còn lại chưa được bố trí đất (theo tiêu chuẩn từ 500 m² trở lên) để xây dựng trụ sở làm việc độc lập (trong đó: 109 xã, 02 thị trấn).

1.2. Về Trụ sở làm việc của Công an xã: Sau khi thực hiện Công an xã chính quy thì trên địa bàn tỉnh còn 112/119 xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã chưa có Nhà làm việc, cụ thể như sau:

05 Công an xã thuộc Công an thành phố Quy Nhơn: Nhơn Lý, Nhơn Hải, Nhơn Hội, Nhơn Châu và Phước Mỹ được Ủy ban nhân dân Thành phố Quy Nhơn giao đất để xây dựng trụ sở độc lập ngoài trụ sở Ủy ban nhân dân xã với

Chánh

kinh phí đầu tư là: 30,5 tỷ đồng; Trong đó Công an xã Phước Mỹ đã được bàn giao đưa vào sử dụng, còn các xã còn lại đang triển khai thi công.

Công an xã Bình Hòa được Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn bố trí làm việc tại Trạm Kiểm lâm Bắc Sông Kôn tại thôn Trường Định, xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn (*Diện tích nhà chật hẹp, đã xuống cấp không đảm bảo điều kiện làm việc cho CBCS cần phải đầu tư xây dựng mới*).

Công an xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ và Công an thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát làm việc tại Đồn Công an xã Mỹ An và Đồn Công an xã Cát Tiến.

112 Công an xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã còn lại chưa có trụ sở độc lập mà được bố trí nơi làm việc trong khuôn viên Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chủ yếu là 01 phòng làm việc diện tích nhỏ hẹp, thời gian xây dựng đã lâu (từ 10 đến trên 20 năm), hiện nay có nhiều nơi xuống cấp, hư hỏng (*trong đó có 111 xã, thị trấn và Công an xã Bình Hòa trụ sở đã xuống cấp*). Hầu hết, Công an xã không có đủ các phòng chức năng thiết yếu như: phòng làm việc, phòng ở, nhà ăn, nhà xe, kho vật chứng vi phạm hành chính, phòng tạm giữ hành chính...

2. Kết quả sau khi triển khai Công an xã Chính quy

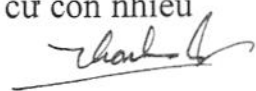
2.1. Tình hình an ninh trật tự sau khi triển khai Công an xã chính quy

Tình hình an ninh trật tự tại các xã sau khi bố trí Công an chính quy hầu hết có chuyển biến tích cực, tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật về trật tự xã hội giảm rõ rệt một phần do lực lượng Công an xã chính quy tăng cường công tác nghiệp vụ, lập kế hoạch triệt xóa. Cụ thể, từ khi bố trí Công an chính quy đến nay tại các xã, phạm pháp hình sự, ma túy giảm rõ rệt.

Sau khi triển khai đảm nhiệm các chức danh Công an xã, lực lượng Công an chính quy đã tích cực triển khai thực hiện các nội dung công tác, qua đó đã đạt được một số kết quả như: kịp thời tham mưu cấp ủy, chính quyền xã ban hành và triển khai nhiều kế hoạch, biện pháp nghiệp vụ nhằm đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa bàn; nhanh chóng triển khai bám sát cơ sở, bám dân, tổ chức trực 24/24 giờ, tăng cường các hoạt động tuần tra, kiểm soát đảm bảo an ninh trật tự, nhất là vào ban đêm, tại các khu vực trọng điểm; công tác quản lý đối tượng tại cơ sở được đẩy mạnh và thực hiện bài bản, có hiệu quả hơn.

2.2. Dự báo tình hình an ninh trật tự trong thời gian đến

Tỉnh Bình Định với mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, trong thời gian tới tỉnh sẽ thu hút được nhiều nhà đầu tư triển khai các dự án quy mô lớn nên sẽ liên quan đến công tác thu hồi đất, đền bù, giải phóng mặt bằng... tác động, ảnh hưởng đến môi trường, cuộc sống sinh hoạt của người dân; cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư còn nhiều



bất cập có thể xảy ra tranh chấp, khiếu kiện. Nếu không giải quyết kịp thời sẽ diễn biến phức tạp.

Tình hình tội phạm về trật tự xã hội sẽ còn diễn biến phức tạp, có xu hướng gia tăng về số vụ và tính chất, mức độ, trong đó với tốc độ đô thị hóa cao sẽ xuất hiện thêm nhiều loại tội phạm mới như cho vay nặng lãi, tín dụng đen, chống người thi hành công vụ, tội phạm hoạt động theo hình thức “băng, ổ, nhóm”, tội phạm quốc tế và tội phạm công nghệ cao...

Ngoài ra, hiện nay các thế lực thù địch đang triệt để lợi dụng những sơ hở, thiếu sót của chính quyền cơ sở, vấn đề tranh chấp, khiếu kiện, những mâu thuẫn bức xúc trong nhân dân, lợi dụng công tác phòng chống tham nhũng, lòng yêu nước của nhân dân để kích động, xuyên tạc, lôi kéo quần chúng biểu tình, đình công, lãn công gây rối an ninh trật tự, tạo “điểm nóng” gây sức ép với chính quyền.

Từ những yếu tố trên, cho thấy tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở sẽ còn diễn biến phức tạp trong thời gian tới. Được xác định là lực lượng nòng cốt, có vai trò quan trọng trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở do đó việc xây dựng lực lượng Công an xã cùng các điều kiện cơ sở vật chất để lực lượng này hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ cấp bách không chỉ của ngành Công an mà của cả hệ thống chính trị xã hội.

2.3. Tổ chức lực lượng Công an xã trên địa bàn tỉnh hiện nay

Hệ thống tổ chức Công an xã trên địa bàn tỉnh hiện gồm Công an chính quy và Công an bán chuyên trách. Theo Đề án bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã, đến hết năm 2020, trên địa bàn tỉnh đã bố trí đủ số lượng Công an chính quy tại mỗi xã để đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ Công an xã, với mô hình gồm: 01 Trưởng Công an xã, 01 Phó Trưởng Công an xã và 03 Công an viên thường trực. Tuy nhiên, trong đó một số xã có tình hình phức tạp về an ninh trật tự đã bố trí 02 Phó Trưởng Công an xã.

Số Công an xã chính quy hiện nay là 610 đồng chí, gồm: 121 đồng chí Trưởng Công an xã, 134 đồng chí Phó Trưởng Công an xã và 357 Công an viên.

(Kèm theo phụ lục 01)

Số lượng Công an xã bán chuyên trách *(không phải là Công an chính quy)* sẽ tiếp tục được sử dụng đến khi chuyển đổi thành lực lượng khác.

Dự kiến đến năm 2035, mô hình tổ chức Công an xã gồm 01 Trưởng Công an xã, 02 Phó Trưởng Công an xã và 04 Công an viên. Như vậy đến năm 2035, số Công an chính quy ở cấp xã được bố trí là: 819 cán bộ chiến sỹ.



Phần II

CƠ SỞ PHÁP LÝ, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM VÀ NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

Luật Công an nhân dân ngày 20/11/2018;

Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ quy định việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy;

Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 21/10/2021 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức vật chất hậu cần trong Công an nhân dân;

Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Quyết định số 3983/QĐ-BCA-H41 ngày 23/9/2011 của Bộ Công an về việc ban hành quy định về định mức sử dụng đất của các đơn vị trong lực lượng Công an nhân dân;

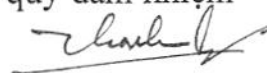
Công văn số 1172/BCA-H02 ngày 23/4/2021 của Bộ Công an về việc bố trí đất xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn trên toàn quốc.

2. Sự cần thiết

Công an nhân dân là lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật.

Công an xã chính quy được quy định tại Điều 3 Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ: “Công an cấp cơ sở, bố trí ở các đơn vị hành chính xã, thị trấn, thuộc hệ thống tổ chức của Công an nhân dân; làm nòng cốt trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa bàn xã, thị trấn”.

Ngày 30/10/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định có Quyết định số 3960/QĐ-UBND về ban hành Đề án “Điều động Công an chính quy đảm nhiệm



các chức danh Công an xã” trên địa bàn tỉnh. Trong đó, đến hết năm 2020, điều động lực lượng Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện bố trí cho Công an xã, đảm bảo về số lượng theo tỷ lệ: Tỉnh 35%, huyện 35%, xã 30%. Hiện tại, số lượng Công an chính quy tại Công an xã được bổ sung tăng cường để đáp ứng chức năng, nhiệm vụ Công an trong tình hình mới. Bên cạnh đó, tại Điều 7 Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ quy định nơi làm việc cho Công an xã chính quy và tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ quy định: “Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm: Bảo đảm trụ sở hoặc nơi làm việc; hỗ trợ ngân sách để đầu tư xây dựng, sửa chữa trụ sở hoặc nơi làm việc, sinh hoạt và trang thiết bị, phương tiện, các điều kiện đảm bảo khác phục vụ cho hoạt động của lực lượng Công an xã”.

Hầu hết hiện nay, Công an xã không có trụ sở làm việc độc lập, thiếu phòng tiếp dân, phòng ở, bếp ăn, nhà xe, phòng tạm giữ hành chính, phòng kho tạm giữ tang vật vi phạm hành chính... về lâu dài cần đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo công tác Công an xã một cách khoa học, có kế hoạch cụ thể với lộ trình phù hợp.

Từ những đặc điểm và tình hình nêu trên, để đảm bảo cho lực lượng Công an xã có nơi làm việc, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh. Do đó, cần thiết phải ban hành “Đề án xây dựng trụ sở làm việc phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025” nhằm đáp ứng nhu cầu công tác của lực lượng Công an xã trong tình hình hiện nay.

3. Mục đích

Cụ thể hóa, thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được nêu trong Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018 của Bộ Chính trị; Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ quy định việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy; Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh Bình Định về ban hành Đề án “Điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã” trên địa bàn tỉnh.

Đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ công tác cho Công an xã để lực lượng Công an xã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước và Bộ Công an giao trong công tác bảo vệ an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội tại địa bàn cơ sở và theo đúng tinh thần xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

4. Quan điểm

Thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Bộ Công an về xây dựng lực lượng Công an nhân dân nói

Chánh

chung, lực lượng Công an xã nói riêng, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng công tác Công an xã, đáp ứng yêu cầu đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa bàn cơ sở.

Kết hợp hài hòa giữa kế thừa ổn định với đổi mới phát triển, phù hợp thực tế từng đơn vị trong xây dựng cơ sở vật chất phục vụ công tác cho lực lượng Công an xã.

5. Nguyên tắc

Đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng Công an nhân dân; sự lãnh đạo xuyên suốt của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Huyện ủy, Thị ủy, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan trong việc triển khai thực hiện Đề án.

Đảm bảo theo quy hoạch, thiết kế, bảo vệ cảnh quan, môi trường; phù hợp với điều kiện tự nhiên, xã hội, đặc điểm từng địa phương; lộ trình thực hiện phù hợp, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài của lực lượng Công an xã trong thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội ở địa bàn cơ sở.

Đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả; phòng chống tham nhũng, lãng phí, thất thoát và tiêu cực trong triển khai thực hiện Đề án.

Phần thứ III

TIÊU CHUẨN ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

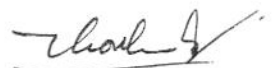
1. Tiêu chuẩn về diện tích đất xây dựng trụ sở cho Công an xã

Theo Hướng dẫn số 1172/BCA-H02 ngày 23/4/2021 của Bộ Công an về việc bố trí đất xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn trên toàn quốc bố trí diện tích đất để xây dựng mỗi trụ sở Công an xã từ 1000 m² đến 2000 m². Tuy nhiên, do tình hình thực tế quỹ đất của địa phương nên chỉ bố trí diện tích cho một trụ sở Công an xã là 500 m² trở lên.

2. Định mức về trụ sở làm việc cho Công an xã

Mô hình 01 Trưởng Công an xã, 02 Phó Trưởng Công an xã và 04 Công an viên thường trực, mỗi trụ sở Công an xã sẽ gồm 07 đồng chí: tổng diện tích sàn xây dựng cho 01 trụ sở làm việc là 387m².

(Kèm theo phụ lục 02)



(Theo Hướng dẫn số 2070/HD-H02-P5 ngày 08/7/2020 của Cục Quản lý xây dựng và doanh trại, Bộ Công an hướng dẫn áp dụng thiết kế điển hình trụ sở làm việc Công an cấp xã).

3. Thực trạng

Sau khi bố trí Công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn toàn tỉnh trong số 119 xã, thị trấn (116 xã, 03 thị trấn) thì hiện tại có 05 xã thuộc Công an thành phố Quy Nhơn đã được Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn đầu tư; Công an xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ, Công an thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát được bố trí làm việc ổn định.

Còn lại 112 xã, thị trấn (110 xã, 02 thị trấn) thuộc các huyện, thị xã chưa có trụ sở làm việc độc lập, hầu hết được bố trí làm việc tại Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, cần phải đầu tư.

4. Tiêu chí thực hiện Đề án

Diện tích đất cho mỗi trụ sở Công an xã là từ 500m² trở lên.

Diện tích sàn xây dựng cho 01 trụ sở Công an xã là 387 m² và hệ thống tường rào, cổng ngõ.

5. Thời gian thực hiện Đề án

Từ năm 2022 đến hết năm 2025.

Triển khai thực hiện Đề án: Mỗi năm đầu tư thực hiện ít nhất 30% số xã thực tế của Đề án (theo thực tế số xã của từng địa phương).

Phần thứ IV

KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kinh phí xây dựng mỗi trụ sở như sau

Tổng mức đầu tư xây dựng 01 trụ sở là 3,5 tỷ đồng (đã bao gồm tường rào, cổng ngõ).

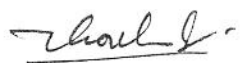
(Kèm theo phụ lục 03)

2. Tổng kinh phí thực hiện Đề án là: 392 tỷ đồng (Chưa bao gồm bồi thường GPMB và san lấp).

(Kèm theo phụ lục 04)

3. Về cơ cấu nguồn và mức kinh phí của các địa phương để thực hiện Đề án

Vốn đầu tư công của tỉnh hỗ trợ cho mỗi trụ sở (trong phần tổng mức 3,5 tỷ đồng chưa bao gồm: Chi phí Bồi thường, giải phóng mặt bằng và san lấp) như sau:



- Hỗ trợ 100% đối với các huyện An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh và các trụ sở thuộc các xã Vĩnh An (huyện Tây Sơn), Ân Sơn, Bok Tới, Đak Mang (huyện Hoài Ân).

- Hỗ trợ 70% đối với các huyện Hoài Ân, Tây Sơn.

- Hỗ trợ 50% đối với các huyện Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước, thị xã Hoài Nhơn và thị xã An Nhơn.

Phần chi phí còn lại, phần vượt 3,5 tỷ đồng (nếu có, kể cả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) do ngân sách của các huyện, thị xã đảm bảo.

4. Chủ đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Công an xã

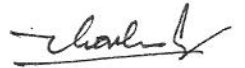
Giao Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã làm chủ đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn giai đoạn 2021-2025.

Phần thứ V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Thời gian thực hiện Đề án 04 năm, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025./.





TỔNG SỔ CÔNG AN XÃ CHÍNH QUY HIỆN NAY

(Kèm theo Đề án Xây dựng trụ sở làm việc phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025)

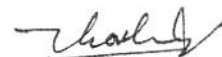
1. Công an TP Quy Nhơn: 30 đồng chí (05 đồng chí Trưởng Công an xã, 10 đồng chí Phó Trưởng Công an xã và 15 đồng chí Công an viên).
2. Công an thị xã An Nhơn: 50 đồng chí (10 đồng chí Trưởng Công an xã, 10 đồng chí Phó Trưởng Công an xã và 30 đồng chí Công an viên).
3. Công an thị xã Hoài Nhơn: 30 đồng chí (06 đồng chí Trưởng Công an xã, 06 đồng chí Phó Trưởng Công an xã và 18 đồng chí Công an viên).
4. Công an huyện An Lão: 55 đồng chí (11 đồng chí Trưởng Công an xã, 11 đồng chí Phó Trưởng Công an xã và 33 đồng chí Công an viên).
5. Công an huyện Hoài Ân: 70 đồng chí (14 đồng chí Trưởng Công an xã, 14 đồng chí Phó Trưởng Công an xã và 42 đồng chí Công an viên).
6. Công an huyện Phù Mỹ: 85 đồng chí (17 đồng chí Trưởng Công an xã, 18 đồng chí Phó Trưởng Công an xã và 50 đồng chí Công an viên).
7. Công an huyện Phù Cát: 85 đồng chí (17 đồng chí Trưởng Công an xã, 18 đồng chí Phó Trưởng Công an xã và 50 đồng chí Công an viên).
8. Công an huyện Tuy Phước: 55 đồng chí (11 đồng chí Trưởng Công an xã, 15 đồng chí Phó Trưởng Công an xã và 29 đồng chí Công an viên).
9. Công an huyện Tây Sơn: 70 đồng chí (14 đồng chí Trưởng Công an xã, 14 đồng chí Phó Trưởng Công an xã và 42 đồng chí Công an viên).
10. Công an huyện Vĩnh Thạnh: 50 đồng chí (10 đồng chí Trưởng Công an xã, 10 đồng chí Phó Trưởng Công an xã và 30 đồng chí Công an viên).
11. Công an huyện Vân Canh: 30 đồng chí (6 đồng chí Trưởng Công an xã, 08 đồng chí Phó Trưởng Công an xã và 16 đồng chí Công an viên).

Phụ lục 02

TỔNG DIỆN TÍCH SÀN CHO 01 TRỤ SỞ CÔNG AN XÃ

(Kèm theo Đề án Xây dựng trụ sở làm việc phục vụ công tác cho Công an xã
trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025)

SỐ TT	NHU CẦU XÂY DỰNG	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn diện tích (m2)	Diện tích sử dụng (m2)	Hệ số sử dụng (k)	Ghi chú (Diện tích sàn xây dựng m2)
I	Diện tích làm việc, ăn tập thể CBCS				190,4	0,55	346
1	Trưởng Công an xã	Đ/c	1	12	12		
2	Phòng làm việc CBCS	phòng	2	24	48		
3	Phòng ngủ trực	Đ/c	7		55		
a	Lãnh đạo Công an xã	Đ/c	03	9	27		
b	Cán bộ chiến sỹ	Đ/c	04	7	28		
4	Phòng trực ban, tiếp dân	phòng	1	24	24		
5	Phòng họp đơn vị	phòng	1	36	36		
6	Diện tích bếp ăn tập thể, kho chung	Đ/c	7	2,2	15,4		
II	Diện tích gara xe ô tô, xe 02 bánh				32,9	0,80	41
1	Diện tích gara xe 02 bánh	xe	7	2,35	16,45		
2	Diện tích gara xe xe cho khách	xe	7	2,35	16,45		
III	Tổng cộng						387



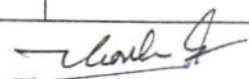
Phụ lục 03

TỔNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CHO 01 TRỤ SỞ CÔNG AN XÃ

(Kèm theo Đề án Xây dựng trụ sở làm việc phục vụ công tác cho Công an xã
trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025)

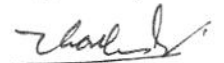
Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
I	Chi phí xây dựng	Gxd		g1 + g2+...+g9	2.638.352.000	263.835.200	2.902.187.200
1.1	Nhà làm việc, ăn tập thể, nghỉ trực	g1		346m ² x 6.212.000đ/m ²	2.149.352.000	214.935.200	2.364.287.200
1.2	Gara ô tô + mô tô	g2		41m ² x 2.500.000 đ/m ²	102.500.000	10.250.000	112.750.000
1.3	Bể nước ngầm	g3		5m ³ x 4.000.000đ/m ³	20.000.000	2.000.000	22.000.000
1.4	Sân đường nội bộ	g4		130m ² x 350.000đ/m ²	45.500.000	4.550.000	50.050.000
1.5	Cổng, tường rào thoáng	g5		20md x 2.64.000đ/md	52.800.000	5.280.000	58.080.000
1.6	Tường rào kín	g6		70 md x1.260.000 đ/md	88.200.000	8.820.000	97.020.000
1.7	Hệ thống thoát nước ngoài nhà	g7		Tạm tính	80.000.000	8.000.000	88.000.000
1.8	Hệ thống cấp nước ngoài nhà	g8		Tạm tính	50.000.000	5.000.000	55.000.000
1.9	Hệ thống điện ngoài nhà	g9		Tạm tính	50.000.000	5.000.000	55.000.000
II	Chi phí quản lý dự án	Gqlda	3,282%	Gxd x 3,282%	86.590.713		86.590.713
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv		tv1+....+ tv5	288.909.214	28.890.921	317.800.135
1	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	tv1	5,455%	Gxd x 5,455"% x 1,1x0,8 "	126.651.449	12.665.145	139.316.594
2	Chi phí thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật	tv2			17.691.733	1.769.173	19.460.906



Stt	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
a	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC		0,258%	$Gxd \times 0,258\% \times 1,2 \times 1,1$	8.985.172	898.517	9.883.689
b	Chi phí thẩm tra dự toán		0,250%	$Gxd \times 0,25\% \times 1,2 \times 1,1$	8.706.562	870.656	9.577.218
3	Chi phí giám sát thi công xây dựng	tv3	3,285%	$Gxd \times 3,285\% \times 1,1$	95.336.850	9.533.685	104.870.534
4	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu phần thi công xây dựng	tv4	0,432%	$Gxd \times 0,432\% \times 1,1$	12.537.449	1.253.745	13.791.194
5	Chi phí khảo sát địa chất	tv5		Tạm tính	19.000.000	1.900.000	20.900.000
IV	Chi phí khác	Gk		k1+.....+k4	24.701.609	633.204	25.334.813
1	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu phần xây dựng	k1	0,100%	$Gxd \times 0,1\% \times 1,1$	2.638.352	263.835	2.902.187
2	Chi phí bảo hiểm công trình	k2	0,140%	$Gxd \times 0,14\% \times 1,1$	3.693.693	369.369	4.063.062
3	Phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	k3	0,625%	TMĐT x 0,625%	15.394.046		15.394.046
4	Phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật	k4	0,0190%	TMĐT x 0,019%	2.975.518		2.975.518
V	Chi phí dự phòng	Gdp		dp1	151.927.677	15.192.768	167.120.444
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	dp1	5,000%	$(Gxd+Gqlda+Gtv+Gk)*5\%$	151.927.677	15.192.768	167.120.444
	TỔNG CỘNG	Gtmdt		Gxd+Gqlda+Gtv+Gk+Gdp	3.190.481.212	308.552.094	3.499.033.306

Làm tròn: 3.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn)./.





Phụ lục 04

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ CỦA ĐỀ ÁN TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÔNG AN XÃ CHÍNH QUY

(Kèm theo Đề án Xây dựng trụ sở làm việc phục vụ công tác cho Công an xã
trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025)

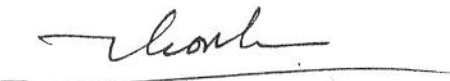
Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

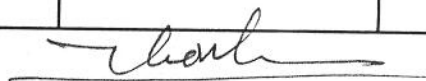
Stt	Nội dung	Kinh phí địa phương hỗ trợ giai đoạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn 2021 do địa phương hỗ trợ			Tình hình thực hiện	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng	Trong đó			
			Xây dựng mới	Cải tạo		Xây dựng mới	Cải tạo		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)
	Tổng	422.900	422.900		30.900	30.900			
I	Công an thành phố Quy Nhơn	30.900	30.900		30.900	30.900			
1	Công an xã Nhơn Châu	6.800	6.800		6.800	6.800		Đang triển khai dự án	Chìa khóa trao tay
2	Công an xã Nhơn Hải	5.200	5.200		5.200	5.200		Bàn giao đưa vào sử dụng	Chìa khóa trao tay
3	Công an xã Nhơn Hội	6.900	6.900		6.900	6.900		Đang triển khai xây dựng	Chìa khóa trao tay
4	Công an xã Nhơn Lý	5.800	5.800		5.800	5.800		Đang triển khai xây dựng	Chìa khóa trao tay

Chánh

Stt	Nội dung	Kinh phí địa phương hỗ trợ giai đoạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn 2021 do địa phương hỗ trợ			Tình hình thực hiện	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng	Trong đó			
			Xây dựng mới	Cải tạo		Xây dựng mới	Cải tạo		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)
5	Công an xã Phước Mỹ	6.200	6.200		6.200	6.200		Bàn giao đưa vào sử dụng	Chìa khóa trao tay
	Cộng: II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX+X	392.000	392.000						
II	Công an thị xã An Nhơn	35.000	35.000						
1	Công an xã Nhơn An	3.500	3.500						
2	Công an xã Nhơn Hạnh	3.500	3.500						
3	Công an xã Nhơn Hậu	3.500	3.500						
4	Công an xã Nhơn Khánh	3.500	3.500						
5	Công an xã Nhơn Lộc	3.500	3.500						
6	Công an xã Nhơn Mỹ	3.500	3.500						
7	Công an xã Nhơn Phong	3.500	3.500						
8	Công an xã Nhơn Phúc	3.500	3.500						
9	Công an xã Nhơn Tân	3.500	3.500						
10	Công an xã Nhơn Thọ	3.500	3.500						
III	Công an thị xã Hoài Nhơn	21.000	21.000						
1	Công an xã Hoài Châu	3.500	3.500						
2	Công an xã Hoài Châu Bắc	3.500	3.500						



Stt	Nội dung	Kinh phí địa phương hỗ trợ giai đoạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn 2021 do địa phương hỗ trợ			Tình hình thực hiện	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng	Trong đó			
			Xây dựng mới	Cải tạo		Xây dựng mới	Cải tạo		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)
3	Công an xã Hoài Hải	3.500	3.500						
4	Công an xã Hoài Mỹ	3.500	3.500						
5	Công an xã Hoài Phú	3.500	3.500						
6	Công an xã Hoài Sơn	3.500	3.500						
IV	Công an huyện An Lão	35.000	35.000						
1	Công an Thị trấn An Lão	3.500	3.500						
2	Công an xã An Dũng	3.500	3.500						
3	Công an xã An Hòa	3.500	3.500						
4	Công an xã An Hưng	3.500	3.500						
5	Công an xã An Nghĩa	3.500	3.500						
6	Công an xã An Quang	3.500	3.500						
7	Công an xã An Tân	3.500	3.500						
8	Công an xã An Toàn	3.500	3.500						
9	Công an xã An Trung	3.500	3.500						
10	Công an xãAn Vinh	3.500	3.500						
V	Công an huyện Hoài Ân	49.000	49.000						
1	Công an xã Ân Đức	3.500	3.500						
2	Công an xã Ân Hảo Đông	3.500	3.500						
3	Công an xã Ân Hảo Tây	3.500	3.500						
4	Công an xã Ân Hữu	3.500	3.500						



Stt	Nội dung	Kinh phí địa phương hỗ trợ giai đoạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn 2021 do địa phương hỗ trợ			Tình hình thực hiện	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng	Trong đó			
			Xây dựng mới	Cải tạo		Xây dựng mới	Cải tạo		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)
5	Công an xã Ân Mỹ	3.500	3.500						
6	Công an xã Ân Nghĩa	3.500	3.500						
7	Công an xã Ân Phong	3.500	3.500						
8	Công an xã Ân Sơn	3.500	3.500						
9	Công an xã Ân Thạnh	3.500	3.500						
10	Công an xã Ân Tín	3.500	3.500						
11	Xã Ân Tường Đông	3.500	3.500						
12	Công an xã Ân Tường Tây	3.500	3.500						
13	Công an xã Bok Tới	3.500	3.500						
14	Công an xã Đak Mang	3.500	3.500						
VI	Công an huyện Phù Cát	56.000	56.000						
1	Thị trấn Cát Tiến							Sử dụng lại Cơ sở làm việc Đồn Công an Cát tiến	
2	Công an xã Cát Chánh	3.500	3.500						
3	Công an xã Cát Hải	3.500	3.500						
4	Công an xãCát Hanh	3.500	3.500						
5	Công an xãCát Hiệp	3.500	3.500						
6	Công an xã Cát Hưng	3.500	3.500						



Stt	Nội dung	Kinh phí địa phương hỗ trợ giai đoạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn 2021 do địa phương hỗ trợ			Tình hình thực hiện	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng	Trong đó			
			Xây dựng mới	Cải tạo		Xây dựng mới	Cải tạo		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)
7	Công an xã Cát Khánh	3.500	3.500						
8	Công an xã Cát Lâm	3.500	3.500						
9	Công an xã Cát Minh	3.500	3.500						
10	Công an xã Cát Nhơn	3.500	3.500						
11	Công an xã Cát Sơn	3.500	3.500						
12	Công an xã Cát Tài	3.500	3.500						
13	Công an xã Cát Tân	3.500	3.500						
14	Công an xã Cát Thắng	3.500	3.500						
15	Công an xã Cát Thành	3.500	3.500						
16	Công an xã Cát Trinh	3.500	3.500						
17	Công an xã Cát Tường	3.500	3.500						
VII	Công an huyện Phù Mỹ	56.000	56.000						
1	Công an xã Mỹ An							Sử dụng lại Cơ sở làm việc Đồn Công an Mỹ An	
2	Công an xã Mỹ Cát	3.500	3.500						
3	Công an xã Mỹ Chánh	3.500	3.500						
4	Công an xã Mỹ Chánh Tây	3.500	3.500						
5	Công an xã Mỹ Châu	3.500	3.500						
6	Công an xã Mỹ Đức	3.500	3.500						

Chánh

Stt	Nội dung	Kinh phí địa phương hỗ trợ giai đoạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn 2021 do địa phương hỗ trợ			Tình hình thực hiện	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng	Trong đó			
			Xây dựng mới	Cải tạo		Xây dựng mới	Cải tạo		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)
7	Công an xã Mỹ Hiệp	3.500	3.500						
8	Công an xã Mỹ Hòa	3.500	3.500						
9	Công an xã Mỹ Lộc	3.500	3.500						
10	Công an xã Mỹ Lợi	3.500	3.500						
11	Công an xã Mỹ Phong	3.500	3.500						
12	Công an xã Mỹ Quang	3.500	3.500						
13	Công an xã Mỹ Tài	3.500	3.500						
14	Công an xã Mỹ Thắng	3.500	3.500						
15	Công an xã Mỹ Thành	3.500	3.500						
16	Công an xã Mỹ Thọ	3.500	3.500						
17	Công an xã Mỹ Trinh	3.500	3.500						
VIII	Công an huyện Tây Sơn	49.000	49.000						
1	Công an xã Bình Hòa	3.500	3.500						
2	Công an xã Bình Nghi	3.500	3.500						
3	Công an xã Bình Tân	3.500	3.500						
4	Công an xã Bình Thành	3.500	3.500						
5	Công an xã Bình Thuận	3.500	3.500						
6	Công an xã Bình Tường	3.500	3.500						
7	Công an xã Tây An	3.500	3.500						
8	Công an xã Tây Bình	3.500	3.500						



Stt	Nội dung	Kinh phí địa phương hỗ trợ giai đoạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn 2021 do địa phương hỗ trợ			Tình hình thực hiện	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng	Trong đó			
			Xây dựng mới	Cải tạo		Xây dựng mới	Cải tạo		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)
9	Công an xã Tây Giang	3.500	3.500						
10	Công an xã Tây Phú	3.500	3.500						
11	Công an xã Tây Thuận	3.500	3.500						
12	Công an xã Tây Vinh	3.500	3.500						
13	Công an xã Tây Xuân	3.500	3.500						
14	Công an xã Vĩnh An	3.500	3.500						
IX	Công an huyện Tuy Phước	38.500	38.500						
1	Công an xã Phước An	3.500	3.500						
2	Công an xã Phước Hiệp	3.500	3.500						
3	Công an xã Phước Hòa	3.500	3.500						
4	Công an xã Phước Hưng	3.500	3.500						
5	Công an xã Phước Lộc	3.500	3.500						
6	Công an xã Phước Nghĩa	3.500	3.500						
7	Công an xã Phước Quang	3.500	3.500						
8	Công an xã Phước Sơn	3.500	3.500						
9	Công an xã Phước Thắng	3.500	3.500						
10	Công an xã Phước Thành	3.500	3.500						
11	Công an xã Phước Thuận	3.500	3.500						
X	Công an huyện Vân Canh	21.000	21.000						

Chánh

Stt	Nội dung	Kinh phí địa phương hỗ trợ giai đoạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn 2021 do địa phương hỗ trợ			Tình hình thực hiện	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng	Trong đó			
			Xây dựng mới	Cải tạo		Xây dựng mới	Cải tạo		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)
1	Công an xã Canh Hiền	3.500	3.500						
2	Công an xã Canh Hiệp	3.500	3.500						
3	Công an xã Canh Hòa	3.500	3.500						
4	Công an xã Canh Liên	3.500	3.500						
5	Công an xã Canh Thuận	3.500	3.500						
6	Công an xã Canh Vinh	3.500	3.500						
XI	Công an Vĩnh Thạnh	31.500	31.500						
1	Công an Thị trấn Vĩnh Thạnh	3.500	3.500						
2	Công an xã Vĩnh Hảo	3.500	3.500						
3	Công an xã Vĩnh Hiệp	3.500	3.500						
4	Công an xã Vĩnh Hòa	3.500	3.500						
5	Công an xã Vĩnh Kim	3.500	3.500						
6	Công an xã Vĩnh Quang	3.500	3.500						
7	Công an xã Vĩnh Sơn	3.500	3.500						
8	Công an xã Vĩnh Thịnh	3.500	3.500						
9	Công an xã Vĩnh Thuận	3.500	3.500						

